

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 55 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2022.

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Danh Lợi.

Ông Lê Như Hạnh.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Trần Thị Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Hồng H**, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2022, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Chị T và anh Nguyễn Hồng H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa năm 2011. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết

hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau. Cuối năm 2018 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và đi làm ăn xa. Kể từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Năm 2021 anh H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan chị không được biết và cũng không liên lạc gì với anh H nên không biết địa chỉ cụ thể của anh hiện nay ở đâu, như thế nào để cung cấp cho Tòa án.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hồng H.

2. *Về con chung*: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 27/4/2013, nay cháu đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đạt và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

3. *Về tài sản, công nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị T trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Nguyễn Hồng H tại Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh H vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ của mình là ông Nguyễn Hùng Mạnh và bà Lê Thị Mơ, địa chỉ đều ở thôn T, xã T, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ bố, mẹ đẻ của anh H.

Tại Biên bản xác minh lấy lời khai ngày 01/8/2022, ông Nguyễn Hùng Mạnh (Bố đẻ anh H) trình bày:

Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng H kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, sau khi kết hôn, chị T về sống cùng chồng tại gia đình ông. Năm 2013 chị T sinh cháu Nguyễn Tiến Đạt. Năm 2014 anh Hai đi lao động bên Ma Cao, vợ chồng vẫn vui vẻ, liên lạc thường xuyên với nhau. Năm 2016 chị T cũng sang Ma Cao cùng chồng và để cháu Đạt lại cho ông nuôi dưỡng. Tháng 7 năm 2017 anh H về nước trước, chị T vẫn ở lại và từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và cụ thể như thế nào ông Mạnh không biết, chỉ biết vợ chồng thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Đến năm 2021 anh H xuất cảnh sang Đài Loan. Anh H điện thoại có nói và cho ông biết chị T đã làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án và anh cũng đang chờ Tòa án giải quyết. Về con chung của vợ chồng chị T, anh H là cháu Nguyễn Tiến Đạt hiện cháu đang học lớp 4 và ở cùng ông, nguyện vọng ông Mạnh muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đạt. Các thông báo và văn bản tố tụng của Tòa án giao, ông đồng ý nhận và cam đoan sẽ báo lại ngay cho anh H qua điện thoại để anh H biết. Ông Mạnh cũng cho biết ông chỉ thường xuyên liên lạc với anh H qua điện thoại, không biết anh H đang ở chính xác địa chỉ nào tại Đài Loan. Về vấn đề hôn nhân, nuôi con và cấp dưỡng như thế nào thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng H; Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 27/4/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Về tài sản đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1]. *Về thẩm quyền của Tòa án:*

Chị Bùi Thị T là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là anh Nguyễn Hồng H đăng ký hộ khẩu tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2]. *Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:*

Chị Bùi Thị T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Nguyễn Hồng H ở Việt Nam nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh H tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu nhưng ông Nguyễn Hùng Mạnh là bố đẻ của anh H đều trình bày không biết địa chỉ của anh H ở Đài Loan. Tuy anh H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Ông Mạnh vẫn thường xuyên liên lạc với anh H nên đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh H, vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Bùi Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Hồng H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai và các tài liệu gửi đến Tòa án, chị T đều trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau, chị đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ và ly thân với anh H từ cuối năm 2018 đến nay. Năm 2021 anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã không liên hệ với nhau, chị không có địa chỉ của anh H tại Đài Loan nên không cung cấp địa chỉ của anh H tại Đài Loan cho Tòa án. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị T được ly hôn anh H.

[2.2]. *Về con chung*: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 27/4/2013, nay cháu đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ. Cần giao cháu Đạt cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3]. *Về tài sản, công nợ chung*: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét. Anh Nguyễn Hồng H không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên sau này nếu anh H yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. *Về án phí*: Chị Bùi Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T.

- Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hồng H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 27/4/2013 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0001186 ngày 20/6/2022 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Hồng H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Thành Tâm, H. Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án; Lưu Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Thành